

Góc Khuất của Một Đời Lưu Lạc

T. Nguyen

Tôi đã dẫn đo rất lâu trước khi viết bài này trong mùa Covid. Không phải vì thiếu chữ, mà vì sợ chạm vào một góc đời quá thật, quá âm thầm, của một kiếp người lưu lạc. Chuyện ông Sáu, một người Việt già, nghèo, cô đơn, sống như chiếc bóng giữa xứ người. Một cuộc sống nghèo trong một nước giàu.

Mùa thu năm bà Sáu ra đi, hình như đã qua hai mùa lá rụng. Ở Canada, lá phong rơi đẹp lắm. Người ta chụp hình, người ta khen thơ mộng. Nhưng với ông Sáu, lá rơi chỉ là một lời nhắc. Nó nhắc rằng đời người cũng giống vậy, tới lúc phải buông tay, phải rời cảnh, nhẹ mà đau.

Năm đó, ông Sáu đứng bên cửa sổ phòng bệnh, nhìn từng chiếc lá vàng xoay xoay rồi đáp xuống sân, nhẹ như hơi thở cuối của bà. Bà nằm đó, gầy như cọng rơm, mắt nhắm hờ, môi mấp máy. Khi ông cúi sát, ông nghe được đúng hai chữ: "Về nhen..." Chỉ hai chữ thôi, mà để lại trong lòng ông một khoảng trống mênh mông. Ông không biết bà dặn ông hay dặn chính bà. Nhưng từ hôm đó, chữ "về" trở thành một vết cắt. Về đâu? Về quê? Về nhà? Hay về với tổ tiên? Ông cũng không rõ nữa.

Bà ra đi trong một buổi chiều không mưa, chỉ có gió thổi dài, lạnh như tiếng thở dài của đất. Người ta nói bà theo lá vàng về với ông bà. Còn ông, từ hôm đó, như bị bỏ lại giữa một khoảng đất rộng, gió thổi hoài không dứt. Từ ngày bà mất, bữa ăn của ông chỉ còn bánh mì, trứng luộc, hoặc gói mì tôm mua giảm giá. Ông ăn cho có, chớ không phải ăn để sống. Có những bữa ông nhai mà không biết mình đang ăn gì. Cái bụng thì no chút đỉnh, nhưng lòng thì trống. Mỗi lần mở gói mì, mùi bột nêm xộc lên làm ông nhớ mùi canh chua cá bông lau hồi còn ở An Giang. Ngày đó, bà hay nấu canh chua. Một nồi nhỏ thôi, nhưng thơm cả căn nhà. Me chua, rau om, ngò gai, chút giá sống bỏ vô sau cùng. Con cá bông lau, đặc sản An Giang béo mềm, ăn vô nghe ngọt như nước sông Hậu mùa nước nổi. Những bữa cơm nghèo mà ấm. Cái ấm không phải ở món ăn, mà ở chỗ có người ngồi đối diện. Có tiếng chén đĩa, có hơi thở, có một đời sống chung.

Ông cũng nhớ cái nồi phở bà nấu ở xứ người. Phở không đúng bài bản. Nước dùng hơi đục. Thịt bò cắt không đều, thiếu rau quế, giá sống.. nhưng ông ăn thấy ngon lạ, ngon vì lúc đó hai người còn có nhau. Giờ ông ăn một mình. Tiếng muỗng chạm vào tô nghe buồn rười rượi. Ông nhớ nhất là mùi dầu gió xanh. Hồi bà còn sống, mỗi lần ông cảm, bà hay lấy chai dầu, xoa hai bàn tay rồi thoa lên thái dương ông. Cạo gió, thổi phù phù. Những chuyện nhỏ xiu, lúc đó coi như bình thường. Giờ mở nắp chai ra, mùi hăng hăng bay lên làm mắt ông cay xè. Không phải vì dầu. Vì nhớ. Có những thứ, khi người ta còn sống thì chỉ là thói quen. Khi họ mất rồi, nó thành báu vật. Ông giữ chai dầu gió đó như giữ một phần đời của bà.

Căn phòng của ông nhỏ xiu, chỉ đủ cái giường đơn và cái bàn gỗ cũ. Trong mùa dịch Covid, người nhiễm bệnh mất người ta đem quần áo đi hết, chỉ còn cái khăn choàng tím nhạt bà hay quàng mùa đông mà ông giấu lại. Nay ông treo ngay đầu giường. Đêm nào ông cũng đưa tay sờ nhẹ, như sờ lên chút hơi ấm cuối cùng. Có bữa ông ngồi nhìn cái khăn mà nước mắt rơi. Không phải khóc lớn mà rơi từng giọt, từng giọt, như nước mưa rỉ qua mái tôn cũ ở quê nhà.

Ở Canada, người ta không chết vì đói. Nhưng người ta có thể chết vì buồn. Cái nghèo ở đây không giống cái nghèo ở quê. Ở quê nghèo còn có hàng xóm. Có tiếng rao. Có người ghé hỏi thăm một câu. Còn ở đây, nghèo là đóng cửa lại, im re. Không ai biết mình thiếu gì, không ai hỏi. Tiền trợ cấp của ông không đủ đắp đổi, nên mỗi tháng hóa đơn tiền sưởi vẫn làm ông ngồi thừ ra. Mùa đông ở đây lạnh lắm. Ông phải hạ nhiệt độ xuống thấp, mặc thêm mấy lớp áo, trùm mền ngồi im. Tiếng máy sưởi chạy rì rì, đều đều như tiếng đời già thờ dốt.

Hồi bà còn sống, hai ông bà hay đi hội người cao tuổi. Chỉ để nghe tiếng Việt, để thấy mình còn thuộc về đâu đó. Sau này, ông vẫn ráng đi vài lần nhưng sức khỏe không cho phép. Cho tới một bữa. Bà Tư, người góa bụa lâu năm thường hay lân la gần ông mỗi tuần họp mặt. Bà lại gần, nói nhỏ:

- Nếu anh Sáu thấy buồn... hay là mình góp gạo nấu cơm chung. Hai người già sống chung cho đỡ tốn kém, có người trò chuyện.

Ông lúng túng:

- Cảm ơn chị Tư... nhưng tui quen sống vậy rồi.

Bà Tư cúi mặt, giọng buồn hiu:

- Tui hiểu. Ai cũng có cái bóng của mình.

Từ hôm đó, ông không đi hội nữa. Ông sợ cái cô đơn của mình bị bà Tư lay động trái tim ông. Ông thà sống lặng lẽ, còn hơn phụ một mối lương duyên đã theo mình từ quê nhà.

Ngày của ông trôi qua chậm rì. Cà phê hòa tan không còn mùi. Tuyết rơi làm ông nhớ mưa quê nhà. Nhớ tiếng mái lá lộp bộp. Nhớ con đường làng trơn trượt. Nhớ cái dáng mảnh mai của bà lon ton xách giỏ đi chợ sáng trong sương mờ. Có bữa ông nằm mơ thấy bà. Bà đứng ngoài hiên, áo bà ba màu nâu, tóc búi gọn. Ông đưa tay định nắm, bà tan như khói. Ông giật mình thức dậy, gối ướt. Ông già rồi, mà nỗi nhớ không chịu theo cứ quanh quẩn quanh ông. Hồi còn trẻ, hai ông bà sống ở Long Xuyên gần bến bắc An Hòa, bên bờ sông Hậu. Nhà nghèo, nhưng vui. Sáng chèo xuồng qua chợ, chiều tưới mấy luống rau sau hè. Có bữa nước nổi, bà té xuống bờ ruộng. Ông chạy lại đỡ, miệng cảm râm:

- Bà đi đứng kiểu gì vậy trời... làm tim tui muốn rớt ra ngoài.
- Té chút xíu chớ có gì đâu, ủa bộ ông thương tui lắm hả?
- Thương chớ. Không thương sao cưới.

Những câu nói đó, hồi đó nghe chơi. Giờ nhớ lại, đau như ai cắt.

Ông hiểu rằng con người ta không chết một lần. Người ta chết nhiều lần: Khi người mình thương rời đi. Khi ký ức về họ nhạt dần. Khi không còn ai nhắc tới tên mình. Ông sợ cái chết cuối cùng nhất: chết trong lãng quên. Nên mỗi tối, ông vẫn sống bằng cách giữ bà lại trong lòng. Giữ bằng một cái khăn choàng. Giữ bằng một chai dầu gió. Giữ bằng một bữa cơm nghèo mà đầy ký ức. Sau ngày bà Sáu mất, thời gian đối với ông Sáu không còn chạy như trước nữa. Ngày tháng vẫn lật qua, lịch vẫn đổi, mùa vẫn thay, nhưng đời ông thì đứng lại ở một chỗ. Ông sống tiếp, nhưng giống như sống trong một căn phòng có rèm kéo kín, ánh sáng bên ngoài vẫn có đó, mà không lọt vô được. Người ta nói già rồi phải tập quên. Nhưng quên sao được. Có những mất mát không phải để quên, mà để mang theo tới cuối đời.

Mùa đông năm đó, tuyết phủ trắng hết lối đi. Ông Sáu bước ra khỏi apartment, mang đôi giày cũ, cổ áo kéo cao, tay rút sâu trong túi. Gió cắt ngang mặt như dao mỏng. Ông đi tới trạm xe bus. Đứng chờ, ông đứng lặng, nhìn tuyết bay lất phất, lòng nghĩ về những ngày ở quê. Ở An Giang, mùa này chỉ có gió sông thổi mát, có mùi bùn, mùi rơm. Còn ở đây, gió lạnh tới mức người ta phải co lại, như con cá mắc cạn. Ông lên xe bus, ngồi ở hàng ghế cuối. Không ai nói chuyện, ai cũng nhìn xuống điện thoại. Ông nhìn ra cửa kính, thấy bóng mình mờ mờ, già và nhỏ lại.

Ông đi tới tiệm phát thực phẩm của The Salvation Army. Chỗ đó người ta phát đồ miễn phí cho người nghèo. Ông đứng xếp hàng. Trong hàng có đủ thứ người: già có, trẻ có, người mới nhập cư có, người bản xứ có. Không ai nhìn ai lâu. Ai cũng cúi đầu. Nghèo ở xứ giàu nó vậy, không ồn ào, không la lớn, nó im lặng như tuyết rơi. Ông nhận được một túi nhỏ: vài hộp soup, ít gạo, mấy lon đậu. Ông cầm về, bước chậm. Túi không nặng nhưng lòng ông nặng, không phải nặng vì thiếu ăn mà nặng vì tủi. Một đời người, cuối cùng thu lại trong một túi đồ phát miễn phí. Nếu bà Sáu còn sống, chắc bà sẽ nấu được một nồi cháo ngon từ mấy thứ đó. Bà khéo tay. Bà hay biến thiếu thốn thành ấm áp. Giờ ông chỉ hậm lên ăn qua bữa. Ăn cho qua ngày.

Chiều hôm đó, điện thoại ông rung. Một cuộc gọi từ quê. Ông bắt máy. Giọng bên kia hỏi thăm vài câu ngắn ngủi, rồi ngập ngừng. Sau đó là chuyện tiền. Ông nghe mà lòng lặng đi. Không phải ông tiếc. Ông chỉ thấy buồn. Buồn vì người ta nhớ tới ông, đôi khi không phải vì ông là ông, mà vì ông ở “bên đó”, bên đó nghĩa là Canada, nghĩa là giàu. Nhưng ông đâu có giàu. Ông chỉ đang sống sót. Ông hứa gửi về chút ít, rồi tắt máy. Căn phòng lại im. Ông nhìn lên bàn thờ, thấy di ảnh bà Sáu, ông nghĩ: ít ra bà không còn phải nghe những chuyện đó nữa. Bà đã yên. Chỉ còn ông mắc kẹt giữa đời.

Có những đêm ông Sáu không ngủ. Ông nhìn quanh căn phòng, một cái giường, một cái bàn, một cái khăn choàng tím, một chai dầu gió, một đời người thu lại vậy thôi. Ông nghĩ tới quê nhà. Nghĩ tới mồ mả tổ tiên. Ở quê, chết là có người lo. Có nhang khói. Có giỗ chạp. Còn ở đây, chết là giấy tờ, là thủ tục, là tiền hỏa táng, nhà quan, vận chuyển tro cốt... Toàn ngàn đô. Ông không có. Ông hiểu, mình không thể đòi hỏi. Ông ngồi rất lâu, rồi thở ra một hơi dài. Trong lòng ông dần chấp nhận một điều mà người xa xứ nào cũng sợ: Chết đâu... Năm đó. Không phải vì muốn, mà vì không còn đường khác. Ông nhìn lên bàn thờ bà, thôi thì ở đâu cũng là

nhà là đất. Ở đâu cũng trở về với cát bụi, chỉ có điều ông buồn vì mình sẽ vĩnh viễn là một người viễn xứ ngay cả khi đã chết.

Một buổi sáng, ông Sáu lấy giấy ra. Ông viết vài dòng để lại cho hội ái hữu Việt. Nếu ông có đi xin đừng tốn kém. Tro cốt cứ để lại đây, đừng phiền ai. Ông viết không phải vì hết hy vọng sống, mà vì người già cần chuẩn bị, chuẩn bị như người ta gói đồ đạc trước khi về quê vậy mà. Chỉ khác là chuyến về này, không có vé khứ hồi. Trong cái vali vải mà vợ chồng ông mang theo từ thời vượt biên có bức thư bà để lại, ông thường lấy ra đọc khi nhớ bà, đọc cả trăm lần mà tưởng như chừng mới hôm qua:

“Ông Sáu thương của tui,

Nếu ông đọc được lá thư này, chắc là tui đi trước ông rồi. Tui biết con Covid không để tui yên.. mà người ta không cho ông vô thăm khi tui hấp hối. Coi như đây là thư vĩnh biệt. Tui không muốn để lại gì nhiều, chỉ muốn nói mấy lời mà hồi còn sống tui hằng dám nói, sợ ông cười, sợ ông nói “bà già này bày đặt”.

Ông à, đời tui hằng có gì giỏi giang, chỉ giỏi thương ông. Thương từ hồi còn con gái, thương tới lúc tóc bạc, thương tới lúc hơi thở yếu dần. Tui thương cái tánh ông cảm rằm mà hiền, thương những hôm nhà có đồ ăn ngon, ông thường nói trong người không được khỏe, bà ăn hết đi. Tui để ý, tui hiểu hết...Tui biết ông hay nói mạnh miệng, chớ thiệt ra ông yếu lòng lắm. Tui đi rồi, chắc ông buồn dữ lắm. Nhưng ông Sáu à, buồn chút thôi ghen. Đời còn dài, mà ông thì còn phải sống giùm tui phần còn lại.

Tui xin ông ba chuyện:

Một là, đừng bỏ bữa. Ông hay nói ăn chi cho nhiều, già rồi ăn cũng vậy. Nhưng ông ăn để sống, để còn nhớ tui. Tui nấu cho ông mấy chục năm, giờ ông tự nấu, chắc dở lắm, nhưng ráng ăn ghen.

Hai là, đừng để ai cạo gió cho ông mà ông thấy áy náy. Nếu có ai thương ông, lo cho ông, ông đừng từ chối vì sợ phụ tui. Tui ghen hồi còn sống thôi, chớ chết rồi, tui chỉ mong ông có người nói chuyện cho đỡ quạnh hiu. Nhưng nếu lòng ông không chịu, thì thôi, tui cũng không ép.

Ba là, đừng nhớ tui theo kiểu làm ông đau. Nhớ thì nhớ nhẹ thôi, như nhớ mùi khói bếp, nhớ tiếng ghe máy chạy ngoài sông. Nhớ để cười, chớ đừng nhớ để khóc. Ông Sáu à, tui biết ông hay nói “bà đi trước, tui ở lại giữ nhà”. Nhà mình giờ không còn là cái nhà lá bên sông nữa, nhưng chỗ nào có ông, chỗ đó là nhà.

Tui đi rồi, ông ráng giữ sức, giữ lòng, giữ cái tánh hiền của ông. Tui thương ông nhiều lắm, thương tới mức đem theo cũng không hết. Nếu có kiếp sau, tui cũng xin được làm vợ ông nữa, để cảm rằm ông chuyện quên tất bếp, để nấu cho ông tô phở đục nước, để cạo gió cho ông mỗi lần ông than nhức đầu. Thôi, tui đi ghen ông..

Vợ của ông.

Mùa thu vừa qua, đông đến quá nhanh. Lá lại rụng vẫn còn đầy sân. Ông Sáu bước ra ngoài, nhặt một chiếc lá vàng. Ông cầm trong tay rất lâu. Chiếc lá mỏng, nhẹ như đời người. Ông bỏ chiếc lá vào túi áo, rồi bước chậm về phòng, bóng ông đổ dài trên nền xi măng lạnh. Trong cái bóng đó, hình như có thêm một cái bóng nhỏ hơn, đi cạnh, không ai thấy, chỉ mình ông biết. Và ông cũng biết, một ngày nào đó, bóng ông sẽ tan vào tuyết trắng. Nhưng trong lòng ông, bà Sáu vẫn còn. Như mùi canh chua. Như chai dầu gió xanh. Như một chữ “về” chưa bao giờ trọn vẹn.

Đêm đó, tuyết rơi sớm hơn mọi năm. Tuyết phủ lên bậc thềm, phủ lên lối đi, phủ lên cả những dấu chân cũ của ông Sáu ngoài sân. Thành phố nhỏ im như nín thở. Đèn đường vàng vọt, soi những hạt tuyết bay nghiêng, lặng lẽ như tro bụi. Ông nhìn lên chiếc khăn choàng tím nhạt treo đầu giường. Màu khăn đã phai. Giống như mọi thứ trên đời, cái gì cũng phai. Ông đưa tay sờ nhẹ lên mép khăn, rồi buông xuống. Không khóc. Nước mắt tuổi già không còn chảy ào nữa. Nó nằm sâu, âm ỉ, như nước dưới đáy sông.

Ông bước chậm tới giường, ngồi xuống. Đôi chân ông mỏi. Mấy năm nay, ông đi đâu cũng thấy mỏi, không phải vì đường xa mà vì đời dài quá. Ông nằm xuống, kéo chăn lên ngang ngực. Trần nhà trắng, yên. Ông nhìn một lúc lâu, trong đầu ông không còn nghĩ nhiều, không còn lo, không còn sợ, chỉ là một cảm giác mệt, như người ta đi qua một mùa nước nổi, cuối cùng cũng tới được bờ. Ngoài cửa sổ tuyết đầu mùa rơi từng bông nhỏ, từng bông nhẹ. Rơi không tiếng động. Ông nhắm mắt. Trong khoảnh khắc, ông tưởng như mình nghe lại tiếng quê. Tiếng gió sông Hậu. Tiếng mái lá lộp bộp. Mùi canh chua cá bông lau. Mùi dầu gió xanh. Một bàn tay ấm áp ngày xưa. Tất cả trở về rất gần. Gần như mới hôm qua.

Hơi thở ông chậm dần. Nhẹ dần. Không ai ở đó để gọi. Không ai ở đó để nắm tay. Không ai hay biết. Rồi ông đi.. đi nhẹ như một chiếc lá rụng cuối mùa. Không làm phiền ai. Không ồn ào, chỉ lặng lẽ rời khỏi thế gian. Và trong cái lạnh mênh mông của xứ người, một kiếp người già khép lại... Chết đâu...Nằm đó.

Nhưng chắc chắn ở một nơi rất xa, bên bờ sông quê cũ bà Sáu đã chờ sẵn. Bây giờ không còn mùa đông. Không còn cô đơn, chỉ có một chữ “về”...Lần này trọn vẹn cho cả hai.

T. Nguyen
London, mùa Covid 2021